

## KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

### QUYỂN 6 (HẠ)

2. Nói rõ đối duyên có khác nghĩa là duyên tức mười nhân duyên tạo thành chúng sanh, nhưng chúng sanh này đều có căn tánh của mười pháp giới. Nếu người thuần thực thì chiêu cảm trước. Đức Phật biết rõ chúng sanh nào thành thực và chưa thành thực nên ngài không mất thời gian trong việc ứng hiện hóa độ. Nếu chúng sanh với duyên giải thoát chưa thuần thực không thể hoàn toàn xả bỏ, thì đối với cơ duyên này, đức Phật chỉ nói Nhân Thiên thừa, không làm các tên Tu-đa-la v.v... Kinh điển ngoại đạo của Thiên Trúc không có tên gọi mười hai bộ kinh này cũng không có ý ấy. Đạo Nho ở Trung Quốc cũng không có nêu ra tên gọi mười hai bộ kinh và ý nghĩa đều thiếu. Nếu Pháp thân là vua thị hiện mười đường thiện thì cũng không có lạm dụng tên gọi này. Do đó, trong luận Địa Trì nói “chủng tánh Bồ-tát có thể tự thuần thực, lại có thể thuần thực người khác. Trong đó có chủng tánh của hàng Nhị thừa và chủng tánh của Phật nên tùy pháp mà thuần thực đó. Nếu không có chủng tánh thì lấy cõi thiện mà thuần thực”. Cõi thiện thuần thực là như nghĩa trên, chủng tánh thuần thực là như thuyết dưới. Nếu người quán hành sâu sắc đạt được ý diệu, dùng tà tướng đi vào chánh tướng sử dụng biện tài vô ngại, dựa trên kinh sách tà kiến ngoại đạo để tạo ra nghĩa của mười hai bộ kinh thì sao chẳng đạt được và chẳng phải chánh đối với duyên để nói! Kế đến ước định mười nhân duyên tạo ra chúng sanh có căn tánh của tiểu thừa. Đối với căn cơ này, nếu nói thông suốt thì đủ mười hai bộ kinh còn nói riêng biệt thì chỉ có chín bộ hoặc mười một bộ v.v... Nếu đối với mười nhân duyên tạo ra chúng sanh có căn cơ Bồ-tát thì không nói riêng biệt mà chỉ nói rõ mười hai bộ kinh. Nay tổng quát mà luận thì Như lai đối với bốn duyên mà nói mười hai bộ pháp gồm có hai loại bốn giáo bất đồng: 1. Dựa vào sự ẩn, hiện mà cùng luận về

bốn giáo: ẩn tức là giáo bí mật, hiển tức là Tiệm giáo, Đốn giáo và bất định giáo. Bí mật giáo đã ẩn nên chẳng phải lưu bố ở đời. Đây bỏ qua không luận. Nếu đối với chúng sanh trong bốn pháp giới, nếu nói thông suốt tức có mười hai bộ kinh còn riêng biệt nói thì có chín bộ hoặc mười một bộ nên gọi là nói “Tiệm pháp”. Nếu đối với chúng sanh trong hai pháp giới thì thông suốt nói mười hai bộ được gọi là “Đốn pháp”. Nếu hoặc đối với bốn pháp giới, hoặc đối với hai pháp giới mà hoặc tạo ra cách nói riêng biệt hoặc chỉ thông suốt nói thì gọi là nói pháp bất định;

2. Căn cứ ngay ở Tiệm giáo hiển lộ lại nói rõ bốn giáo tức là Tam tạng, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo. Tam Tạng giáo trực tiếp đối với ba pháp giới mà riêng nói, hoặc chín hoặc mười một bộ kinh. Thông giáo đối với bốn pháp giới mà thông suốt nói về mười hai bộ pháp. Biệt giáo đối với hai pháp giới mà thông suốt nói về mười hai bộ pháp. Viên giáo đối với một pháp giới mà thông suốt nói về mười hai bộ pháp. Trước dùng “vô ký hóa hóa thiên” và các từ bi hợp lại mà thị hiện “thân luân” hoặc làm quốc sư, đạo sĩ, nho gia, cha mẹ, anh em cho đến khỉ, vượn, nai, ngựa đồng sự lợi ích mà không thể xưng nói. Nay nói về “khẩu luân” tức theo thông lệ như trước dùng các từ bi huân tập “vô ký hóa hóa thiên” với nhiều loại bất đồng: Trăm ngàn vạn pháp không thể nói hết. Do không thể nói cho nên Long cung, biển cả, núi cao v.v... với tám vạn bốn ngàn pháp không thể cùng tận. Tuy lại vô bờ nhưng đều nằm gọn trong mười hai bộ kinh thu nhiếp không gì không hết.

4. Nói về “sở thuyên” nghĩa là nếu luận uyển chuyển theo ý ấy thì nêu ra nghĩa của bốn giáo. Nay sơ lược nói đến ý rõ ràng. Nếu nói đến trời, người tức nói rõ Tục đế có thể nghĩ bàn của nội giới vĩnh viễn không có Chơn đế. Nếu vì người của Tiệm giáo, riêng nói chín bộ, mười một bộ cho đến thông cả mười hai bộ kinh thì ban đầu, chính là nói rõ Tục đế có thể nghĩ bàn phụ thêm nói rõ Chơn đế có thể nghĩ bàn. Đoạn giữa chính nói rõ Chơn đế có thể nghĩ bàn và phụ thêm nói rõ Tục đế có thể nghĩ bàn. Sau cùng chính nói rõ Chơn đế không thể nghĩ bàn và phụ thêm nói rõ Tục đế không thể nghĩ bàn. Cho đến cùng lúc nói rõ Chơn đế và Tục đế không thể nghĩ bàn. Nếu nói mười hai bộ kinh của Đốn giáo thì chính nói rõ Chơn đế không thể nghĩ bàn và phụ nói rõ Tục đế không thể nghĩ bàn. Nếu nói “bất định” thì đây không thể định chế sự trình bày rõ ràng ấy. Nếu ước định theo bốn giáo của Tiệm giáo trình bày rõ thì Tam tạng chính là nói rõ Chơn đế có thể nghĩ bàn và phụ nói Tục đế có thể nghĩ bàn. Nếu vì nói Bồ-tát của Tam tạng thì chính nói rõ Tục đế có thể nghĩ bàn và phụ nói rõ Chơn đế có thể nghĩ bàn. Nếu

hàng Nhị thừa của Thông giáo thì chính nói rõ Chơn đế có thể nghĩ bàn và phụ nói rõ Tục đế có thể nghĩ bàn. Nếu vì Bồ-tát sơ tâm của Thông giáo nói thì đồng với hàng Nhị thừa. Nếu vì Bồ-tát thuộc tâm sau thì chính nói rõ Tục đế và phụ nói rõ Chơn đế. Nếu vì sơ tâm của Biệt giáo thì chính nói rõ Chơn đế và Tục đế của nội giới và phụ nói rõ Chơn đế và Tục đế của ngoại giới. Nếu vì “tâm trung đạo” thì chánh nói rõ Chơn đế và Tục đế của ngoại giới và phụ nói rõ Chơn đế và Tục đế của nội giới. Nếu vì tâm sau thì cùng song song nói rõ Chơn đế và Tục đế của nội giới lẫn ngoại giới. Nếu là tâm giữa, đầu và sau của Viên giáo thì hoàn toàn nói rõ Chơn đế và Tục đế không thể nghĩ bàn của ngoại giới v.v...

5. Nói rõ thô và diệu được chia làm năm phần:

- Ước định ở lý.
- Ước định ở lời nói.
- Ước định ở sở thuyên.
- Ước định ở các kinh.
- Ước định ở kinh này.

Nói về lý vi diệu thì tất cả các pháp không gì không phải trung đạo, không có lìa bỏ văn tự mà nói giải thoát, Nếu tánh văn tự lìa bỏ tức là giải thoát và tất cả chỗ nói tức là lý mà diệu. Ví như rồng làm mưa nhưng mỗi chỗ đều không giống nhau. Hoặc nói về lý của nước, lửa, dao, gậy cũng lại như vậy. Lý thì đầy đủ còn tình thì có thuận có nghịch. Nếu nghịch thì lý thô còn thuận là diệu.

- Nếu ước định vào lời nói để biện luận thì như từ đêm Phật đắc đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn, ngài thường nói Bát-nhã, thường nói trung đạo, dùng một âm thanh diễn nói pháp tùy vào chủng loại hiểu biết khác nhau. Dùng một âm thanh khéo nói tức là diệu. Việc khác loài nên hiểu biết khác là bao gồm có thô và diệu.

- Ước định ở sở thuyên nghĩa là: Nếu đối với chúng sanh trong sáu đường nói Nhân, Thiên thừa thì sở thuyên là pháp hữu vi. “Năng thuyên” và “sở thuyên” đều là thô. Nếu đối với năm môn, Tam tạng thuộc hàng độn căn thì nói rõ lý Tứ đế sanh diệt. Đây là “năng thuyên” và “sở thuyên” đều gọi “thô”. Nếu năm môn “thể pháp” của Thông giáo so với “Tích môn” của Tam tạng tuy Năng thuyên thể môn khéo léo nhưng sở thuyên vẫn còn là Chơn đế, nên “sở thuyên” cũng là thô. Nếu năng thuyên thuộc năm môn của Biệt giáo là thô thì sở thuyên trung đạo là diệu. Nếu “năng thuyên và sở thuyên” thuộc năm môn của Viên giáo thì đều là diệu.

- Ước định ở các kinh là: Kinh Hoa Nghiêm nói rõ Biệt và Viên giáo, Tam Tạng nói rõ thiên lệch, Phương đẳng có bốn loại nói rõ Bát-nhã có ba loại nói rõ, Pháp Hoa chỉ một loại nói rõ. Lại nữa các kinh nói rõ nghĩa diệu cùng với Pháp Hoa không có khác, nhưng còn vướng ở trình bày thô. Do thô trình bày nên không thể hợp với diệu, vì thế gọi là thô. Kinh Pháp Hoa thì không phải như vậy. Phật bình đẳng nói giống như “một vị mưa” hay “chính là xả bỏ ngay phương tiện mà chỉ nói đạo vô thượng” tức thuần trình bày một diệu. Lại nói “xưa kia chê trách Thanh văn nhưng Phật thật sự dùng pháp đại thừa để giáo hóa”. Lại nói “chỗ thực hành của các ông là đạo của Bồ-tát”. Đây tức là dung nạp thô khiến trở nên diệu. Như hai ý này khác với các kinh cho nên nói là diệu. Ví như lương y có khả năng chế biến chất độc làm thuốc trị bệnh. Căn tánh mục nát của hàng nhị thừa không thể phản hồi cho nên gọi đó là chất độc. Nay kinh nêu ra “được thọ ký” tức biến chất độc thành thuốc trị bệnh. Cho nên, Luận nói “kinh khác chẳng phải bí mật mà chỉ có Pháp Hoa là bí mật”. Lại có nói đến bản địa viên mãn, mà ở các kinh không có. Ở sau sẽ rộng trình bày kỹ vấn đề này.

- Ước định ở kinh này để nói rõ mười hai bộ kinh vi diệu là như Tu-đa-la gọi là “trực thuyết”. Nay kinh nói thẳng về “trung đạo” tức trí tuệ của Phật mà không nói đến pháp của Bồ-tát, nhị thừa và sáu đường v.v... Do chỉ nói đến pháp của Phật nên lấy “trực thuyết” làm diệu. Sự vi diệu của Kỳ dạ tức là tụng lại thuyết trung đạo ở trường hàng, cho nên biết Kỳ dạ cũng là diệu. Già-đà là như Long nữ dâng châu liền vui vẻ thấy mà nói kệ “một mình đặc biệt đứng lên”. Kệ này nêu ra trong khoảnh khắc một sát na liền thành chánh giác. Do khen ngợi Phật thành tựu sự nghiệp Bồ-đề và vui vẻ thấy mà tự khen ngợi dung mạo của Phật thật kỳ diệu cho nên biết Cô khởi Già-đà thật vi diệu. Bốn sự vi diệu tức là đạo vô thượng mà hai vạn đức Phật đã giáo hóa, không thể giáo hóa việc khác. Đây là sự vi diệu của Bốn sự. Bốn sanh vi diệu tức là nêu ra “mười sáu vị vương tử lấy “sanh thân” làm vương tử và Pháp thân làm Phật tử. Đây tức là sự vi diệu của bốn sanh. Nhân duyên tức là kết duyên giảng lại đại thừa, nghĩa là buộc châu vào áo bát luận là duyên của tiểu thừa, trời, người v.v... cho nên gọi đó là nhân duyên vi diệu. “Vị tăng hữu” vi diệu tức là trời mưa hoa, đất chấn động, giữa chạng mờ phóng ra ánh sáng... ba lần biến đổi cõi đất v.v... là sự vi diệu chưa từng có và không thể nghĩ bàn. Ví dụ vi diệu là như đầu đề của kinh lấy pháp dụ làm tên gọi. Ví dụ nói về khai mở ba thừa mà hiển bày một thừa đầu từng thí dụ đối với sự việc khác, tức là thí dụ vi diệu. Ưu

ba-đề-xá vi diệu tức là như Thân tử hỏi Phật và Phật đáp “môn trí tuệ của chư Phật”. Cũng như Long nữ và Bồ-tát Trí Tích hỏi đáp để luận rõ sự việc của Pháp Hoa. Trí Tích nói “tôi thấy đức Thích Ca trải qua vô lượng kiếp mới thành tựu Bồ-đề; không tin Long nữ này trong một khoảnh khắc mà được làm Phật. Đây là chấp vào Biệt giáo và nghi đối với Viên giáo. Long Nữ nói “Phật tự chứng biết, liền lấy chuỗi châu báu dâng cúng Phật” tức là dùng Viên mà đáp Biệt. Đây là Đề-xá vi diệu”. Vô vấn vi diệu là như văn kinh nói “không hỏi mà tự nói, khen ngợi chỗ hành đạo từ Tam muội thứ thái mà ra, bảo Xá-lợi-phất về trí tuệ của Phật”. Lại nữa do nhân duyên đời trước nên ta nay sẽ nói” tức là Vô vấn vi diệu. Thọ ký vi diệu tức là ghi nhận cho ba loại căn cơ sẽ được làm Phật, đều an trú trong thật trí, được Trời, người cung kính nên là thọ ký vi diệu. Phương quảng tức là “xe ấy cao rộng, trí tuệ sâu xa v.v...” Nên biết kinh này từ “trực thuyết” ban đầu cho đến Ưu ba đề xá đều đầy đủ mười hai ý mà đều là vi diệu. Đây là do đối đãi với thô mà nói rõ sự thuyết pháp vi diệu. Khai mở thô mà hiển bày diệu nghĩa là xưa kia đối với mười hai, mười một và chín bộ kinh không nói là thật, nhưng nay không có “thật riêng biệt” khác với không thật xưa kia. Xưa kia chỉ nói rộng mà không có nêu rõ lý rộng nhưng nay khai mở nói rộng tức là lý rộng. Việc khai mở khác xưa kia mà hiển bày đồng hôm nay tức là “thuyết pháp vi diệu” trong tuyệt dứt đối đãi. Kế đến nói rõ quán tâm v.v...

- “Quyển thuộc Diệu” được chia làm năm phần: 1. Nói rõ ý nghĩa dẫn đến; 2. Nói rõ quyển thuộc; 3. Nêu ra thô và diệu; 4. Nêu ra pháp môn; 5. Biện rõ quán tâm. Các điều này được trình bày theo thứ tự.

Nếu không nói thì thôi chứ nói thì phải hệ thuộc vào duyên. Duyên tức là chỉ cho người thọ nhận đạo. Do đã thọ nhận đạo cho nên trở thành quyển thuộc. Ví như ban đầu thọ tinh huyết của cha mẹ mà có được thân nay tức thành thiên tánh. Thiên tánh thân ái thì gọi là quyến và cùng hòa hợp bền chắc lẫn nhau thì gọi là thuộc. Hành giả cũng như vậy. Khi thọ nhận giới thì nói giới pháp này trao truyền ở người trước và người trước lắng nghe tức được phát khởi giới nên thầy và đệ tử do đó mà phát sanh mối quan hệ mật thiết. Thiên cũng như vậy, trao truyền phương pháp an tâm như giáo mà tu hành tức được phát khởi định tức như nói “đó là thầy của ta, ta là đệ tử”. Tuệ cũng như vậy. Nói các pháp môn chuyển nhập vào tâm người nên do pháp mà trở thành thân, nhờ vào sự thân gần mà tin, nhờ tin tưởng nên thuận theo cho nên gọi là quyến thuộc. Do khiến cõi nước khác và căn cơ khác lợi và, tùy vào các trần sử

dụng khởi lên các căn mà khiến người khác được lợi ích. Cõi nước này với nhĩ căn tiện lợi cho nên thiên sử dụng “thanh trần”. Khi hai vạn đức Phật giáo hóa đạo vô thượng thì mười sáu vị vương tử giảng lại Pháp Hoa, từ xưa đến nay đều làm quyến thuộc, đời đời cùng với thầy sanh ra hoặc quyến thuộc trời người, hoặc quyến thuộc ba thừa, hoặc quyến thuộc một thừa. Thân tử nói “hôm nay mới biết chơn thật là Phật tử, xưa giáo hóa năm người đạt được chơn vô lậu” thì gọi là Phật tử. Bồ-tát nếu không phát khởi chơn thật thì gọi là người ngoài. Do nay ở trong Pháp Hoa mà phát khởi hiểu đại thừa nên tự nói “xưa kia chẳng phải là Phật tử”. “Nay nói đạo một thừa” tức là nghe, ngộ, hiểu Pháp thân được sanh ra. “Từ miệng Phật sanh ra” tức được sanh ra từ Pháp thân trong “văn tuệ”. “Từ pháp hóa sanh” tức được sanh ra từ Pháp thân trong “tu tuệ”. “Được phần pháp của Phật” tức là Pháp thân sanh ra từ trong “tu tuệ”. Nếu thành tựu hai thứ trí tuệ này thì gọi là chơn Phật tử. Do quyết định ở thiên tánh mà được trở thành quyến thuộc, nên tiếp theo sau khi nghe thuyết pháp, mà nói rõ quyến thuộc.

2. Nêu ra quyến thuộc lại được phân làm năm loại: a. Nêu ra lý tánh quyến thuộc. b. Nêu ra nghiệp sanh quyến thuộc. c. Nêu ra nguyện sanh quyến thuộc. d. Nêu ra thần thông sanh quyến thuộc. e. Nêu ra ứng sanh quyến thuộc.

- Lý tánh quyến thuộc nghĩa là chúng sanh với Phật đều nhất Như, không có hai Như mà lý tánh tương quan. Do đó nói “ta cũng như vậy, là cha của thế gian, là bậc tối tôn trong các Thánh, tất cả chúng sanh đều là con của ta”. Đây là lý tánh, bất luận là có quan hệ kết duyên hay không kết duyên, mà đều là con Phật.

- Nghiệp sanh quyến thuộc: Chúng sanh trên phương diện Lý tánh mà luận thì đều là con, tuy nhiên do “uống thuốc độc của người khác mà có người đánh mất bản tâm, cũng có người không đánh mất bản tâm. Người không mất bản tâm thì quỳ lạy van xin cứu hộ, nên cha cho thuốc liền uống. Điều này cũng như mười sáu người con ở nơi đức Đại Thông Trí Thắng giảng lại Pháp Hoa vi diệu nên được kết thành cha con trong đại thừa. Các người đánh mất bản tâm, tuy có thuốc hay nhưng không chịu uống nên phải lưu chuyển trong sanh tử khiến “người cha phải đi đến nước khác rồi sai người về bảo là cha các người đã chết để cứu vớt chúng”. Điều này cũng như đức Phật dùng phương tiện: hoặc tạo ra Tam Tạng giáo để kết duyên mà nói pháp sanh diệt, hoặc tạo ra Thông giáo để kết duyên mà nói pháp vô sanh, hoặc tạo ra Biệt giáo để kết duyên mà nói pháp không sanh và sanh hằng hà sa Phật, hoặc tạo



ra Viên giáo để kết duyên mà nói pháp một Thật tướng bất sanh và bất sanh. Hoặc tin, hoặc hủy báng vì đảo điên, vì khởi lên, như “Hỷ căn” tuy hủy báng, nhưng sau cần được độ, kết duyên, sau đó mới dùng hai mươi lăm Tam muội, vì hai mươi lăm cõi mà nói ba đế pháp để thành thực chúng sanh. Trong đó chúng sanh hoặc ở trung gian mà được độ hay hiện nay chưa được độ. Tuy lại được độ và chưa được độ nhưng đều là quyến thuộc. Nay Phật của Tam tạng trong cõi nước “phân đoạn” mà xuất gia để thành đạo. Thuở xưa duyên ở Tam tạng hoặc được độ, hoặc chưa được độ. Người được độ đã đoạn thân diệt trí thì không luận lại pháp sanh diệt. Người chưa được độ gắn chặt ở “phân đoạn” nhờ xưa kia hết lòng tin thuận mà nay được gần gũi thiện tri thức để thọ nhận đạo. Nếu xưa kia ít tin thuận thì nay ở xa mà thọ nhận đạo. Nếu xưa kia chê bai kịch liệt thì nay làm oan gia mà thọ nhận đạo. Nước cam lộ ban đầu rơi xuống nếu trước được uống và thưởng thức thì sớm trừ diệt “phân đoạn” để ra khỏi sanh tử. Như “voi lớn giữ gìn đàn voi mà chứng giải thoát”. Như năm người Phật tử tuy khác họ nhưng đều là quyến thuộc thân thiết bên trong của pháp. Nếu không đắc đạo thì dù đó là con cháu, tông môn cũng gọi là quyến thuộc bên ngoài. Phật đối với hạng người này tức không có tác dụng lợi ích. Nếu nhập diệt độ, không tái sanh thì hạng người này duyên đã hết mà truyền đến ở Phật sau.

- Nguyên sanh quyến thuộc nghĩa là: đời trước kết duyên, tuy chưa đoạn khổ nhưng nguyên sanh vào bên trong quyến thuộc, hoặc oan gia v.v... rồi nhân đó mà thọ nhận đạo. Nếu người đắc đạo thì trở thành “quyến thuộc bên trong của pháp”. Nếu người chưa đắc đạo thì trở thành quyến thuộc bên ngoài của pháp. Nếu Phật diệt độ thì người ấy không có lợi ích và truyền đến ở Phật sau.

- Thần thông sanh quyến thuộc nghĩa là: nếu đời trước gặp Phật mà phát khởi chơn thật và “kiến đế” nhưng do sanh chưa hết hoặc ở cõi trên hoặc ở phương khác; nay Phật phân đoạn làm Phật nên hoặc dùng nguyện lực, hoặc dùng thần thông mà sanh vào cõi dưới, hoặc làm người thân, oán, không thân không oán giúp đỡ sự hành hóa của Phật. Khiến đoạn hết hoặc chướng còn sót lại mà thoát ra khỏi ba cõi. Nếu hoặc chướng còn sót lại chưa đoạn hết mà gặp lúc Phật nhập diệt thì cũng tự mình có khả năng đoạn hết, hoặc đợi ở Phật sau v.v...

- Trong Tam tạng không nói đến chúng sanh ngoại giới nhưng nay dùng ý của đại thừa để trình bày về hạng người này. Hạng người này xưa kia gặp Phật và được ngài độ thoát nên sanh của ba cõi đã hết mà thọ nhận thân dịch đồng thời duyên gắn bó ở “phân đoạn” nhưng

chẳng phải do nghiệp sanh, chỉ nhờ vào nguyện lực và thần thông thì, nguyện lực thần thông khác nhau thế nào? Nếu ước định ở “lực tự báo” thì gọi là thần thông. Nếu ước định ở giáo thì gọi là thệ nguyện. Thần thông sanh thì vốn thọ nhận “báo xứ” mà có Báo thân. Nhờ vào lực thần thông của thân mà phân hình đến nơi này. Nếu do nghiệp sanh thì báo xứ không có thân, mà do nguyện lực hạ sanh thôi! Trong Tam tạng không thể nói đến đoạn kết với thệ nguyện thọ nhận thân sanh tử và không thể ước định ở giáo này để luận về “nguyện”. Trong Thông giáo thì có thệ nguyện phù trợ những tu tập còn lại mà sanh ở “phân đoạn”, nương vào thần thông nói là thệ nguyện vì nghĩa tùy tiện thôi. Tất cả hạng người này đều chưa đạt được Pháp thân cho nên hoàn toàn không là ứng sanh quyến thuộc. Như vậy là đã trình bày xong quyến thuộc của Tam tạng.

Lại nữa, người xưa kia kết duyên vô sanh thì hoặc đã đạt đạo, hoặc chưa đạt đạo. Nếu Phật ở trong cõi phân đoạn làm Phật, người chưa đắc đạo thì tại xứ ấy tức có nghiệp sanh, ở cõi trên hưởng về cõi dưới tức có nguyện lực và lực thần thông sanh. Việc phân biệt nguyện lực và thần thông thì như trước đã nói. Trên phạm vi rộng (hoành) là từ nước khác đến tức có nguyện lực và thần thông. Trên phạm vi dọc (thụ) là dùng phương tiện để đến tức cũng có nguyện lực và thần thông. Người Thông giáo này chưa đạt được Pháp thân nên không là ứng sanh quyến thuộc.

Lại xưa kia do từng kết duyên với Biệt giáo mà khoảng trung gian đồng sự thuyết pháp với nhiều loại giáo chỉ bảo nhưng có thành thực và chưa thành thực. Nay Phật ở cõi “phân đoạn” làm Phật, người chưa đắc đạo ở tại xứ ấy tức có nghiệp sanh, ở tại cõi trên hưởng đến cõi dưới tức được có nguyện lực và thần thông. Nếu từ phương khác đi đến (hoành) thì tức có nguyện lực và thần thông còn y cứ vào phương tiện mà đến (thụ) thì cũng có nguyện lực và thần thông. Nếu y cứ vào cõi Thật báo mà đến thì được có “ứng sanh”. Do vô minh trước đã phá nên đạt được nguồn gốc của Pháp thân có khả năng ứng nhập vào sanh tử. Đây tức là khác trước v.v...

Nếu người xưa kia kết duyên với Viên giáo thì ở khoảng trung gian điều phục thuần thực hoặc đắc đạo, hoặc chưa đắc đạo. Nay ở trong “phân đoạn” làm Phật, do trước kia duyên ràng buộc đến nên có sai biệt bất đồng. Nếu chưa đắc đạo thì ngay xứ này chỉ có một nguyện lực, ở cõi trên xuống cõi dưới có cả nguyện lực và thần thông, từ phương khác mà đến có cả nguyện lực và thần thông, dùng phương tiện mà đến



tức có cả nguyện lực và thần thông, từ cõi Thật báo mà đến tức chỉ có một ứng sanh. Như vậy cứ theo thông lệ như trước v.v...

Hỏi: Pháp thân đã trừ diệt hoặc khiến lý hiển bày, cơ sao lại thọ sanh.

Đáp: Ứng thân thọ sanh có ba ý: 1. Vì thuận thực chúng sanh; 2. Vì tự thuận thực; 3. Vì bản duyên.

Vì thuận thực chúng sanh nghĩa là vì thiện căn của chúng sanh yếu kém không thể tự phát khởi nên các Bồ-tát v.v... trước tiên tuy đã được độ nhưng thương xót chúng sanh còn mê ám mà khởi lực Từ ứng nhập vào hai mươi lăm cõi làm đạo sư dẫn dắt các chúng sanh thực hành đạo chơn thật khiến họ hướng đến chỗ Phật. Nếu đạt được chơn đạo thì trở thành nội quyến thuộc (quyến thuộc gần) đồng với ứng sanh. Nếu được đạo tương tự thì đồng với nguyện lực và thần thông. Nếu không được chơn đạo tương tự thì khiến tăng tiến thắng nghiệp đều được lợi ích không có uống bỏ. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói “ Phật ban đầu thác thai, Pháp thân Bồ-tát đều hầu cận và giữ gìn để ngài hạ sanh. như mây bao phủ che kín mặt trăng, nếu phân tán giáng xuống các thai khác thì tức là bị nghiệp dẫn sanh làm người thân, kẻ oán, hay không thân không oán. Nên biết, các quyến thuộc của Phật chẳng phải là người của sanh tử. Do đó, bà Ma-gia là mẹ của ngàn đức Phật, vua Tịnh Phạn là cha của ngàn đức Phật, La-hầu-la là con của ngàn đức Phật, các Thanh văn v.v... đều là bên trong ẩn còn bên ngoài hiện để chỉ cho chúng sanh biết có ba độc mà thật sự tự mình làm thanh tịnh cõi Phật, cho đến các thân tộc v.v... đều là các địa trên Pháp thân phương tiện đại thừa thì há có phạm phu có thể hủy hoại thân Bồ-tát na-la-diên! Lại nữa, ngoại đạo oán trách, chống cự, chưởi mắng ác độc thì nên biết đó đều là chỗ hiển bày của Pháp thân, vì sao? Vì Chuyển luân vương là thiện nhỏ ra đời còn không có oán thì há có bậc pháp vương vô thượng oán cừu đầy đường! Nếu đối với Phật khởi ác tâm thì rơi vào đường ác mà thọ nhận tội, thì đâu thể có đời đời làm não hại nhau! Bước chân của rồng, voi đi thì chẳng phải lừa có thể thực hiện được. Điều Đạt là Bồ-tát Tân-già-la, đời trước là một đại thiện tri thức có danh tiếng. A-xà-thế là Bồ-tát Bất động. Tát-giá-ni-kiên là Bồ-tát có phương tiện lớn. Ma-ba-tuần là trụ vào “giải thoát không thể nghĩ bàn”. Do vậy, kinh Hoa nghiêm liệt kê chúng ấy để nói rõ các trời rồng quỷ thần đều trụ vào “pháp môn không thể nghĩ bàn”. Như vậy v.v... hoặc oán, thân, không oán không thân có tốt, xấu, nghịch, thuận thì đều là Pháp thân. Trước tiên là quyến thuộc bên trong pháp và nay là “ứng sanh quyến thuộc”. Nếu những

người này có tốt, xấu, thuận, nghịch mà chưa đạt được Pháp thân tức là do trước kia tuy kết duyên làm quyến thuộc nhưng vẫn còn bên ngoài pháp nên đồng gọi là quyến thuộc của nguyện lực và nghiệp sanh. Các kinh điển khác không phải không có nêu ra chúng quyến thuộc phương tiện lợi ích này nhưng cho rằng đó thật nội, thật ngoại, thật tốt, thật xấu, thật nghịch, thật thuận. Do đó kinh nói “chưa từng hưởng đến người để nói lên sự việc như vậy”. Nay trong kinh, Phật khai mở quyền trí gần, mà hiển bày thật trí xa, khai mở “Tịch quyền” hiển bày “Bảo thật” của các quyến thuộc. Vì thế văn kinh nói “nay ta sẽ vì các ông mà nói lên sự thật tối thượng” tức là ứng sanh quyến thuộc. Điều này có nghĩa đức Phật vì thuận thực người khác mà xuất hiện trong cuộc đời này:

- Vì tự thành thực mình mà đến nghĩa là Pháp thân Bồ-tát thăng tiến đạo không nhất định, hoặc từ sanh thân thăng tiến đạo, hoặc từ Pháp thân thăng tiến đạo. Do đó trong phẩm Tùng Địa Động Xuất nói “Chính con cũng muốn đạt được pháp lớn chơn thật thanh tịnh này”. Trong phẩm Phân Biệt Công Đức cũng nói “tăng tiến đạo mà làm tổn giảm sanh” tức là nghĩa ấy.

- Vì sự ràng buộc của bản duyên nghĩa là vốn từ Phật này mà phát khởi đạo tâm, cũng từ Phật này mà trụ vào địa vị Bất thoái. Phật còn tự nhập vào “phần đoạn” lấy bố thí làm Phật sự hướng hồ người có duyên sao lại không được đến! Giống như trăm sông đều đổ về biển, duyên ràng buộc ứng sanh cũng như vậy. Nếu nói riêng biệt thì nghiệp sanh ở phần đoạn, nguyện lực sanh và thân thông sanh là ở tại phương tiện, và ứng sanh tại “Tịch quang”. Nếu luận thông suốt thì một chỗ đều có bốn loại. Như ở cõi Thật báo đã đạt được Pháp thân thì có khả năng ứng hiện tạo ra bốn loại quyến thuộc. Nếu căn cứ ở người kết duyên Viên giáo thì tuy chưa đoạn “hoặc” nhưng cũng tự có ba loại quyến thuộc, và xét theo ở người đắc đạo tức là có đủ bốn loại. Nếu là quyến thuộc của Biệt giáo thì cũng có thể biết. Nếu căn cứ vào sự kết duyên của Tam tạng và Thông giáo thì có ba loại có thể hiểu biết. Tuy không có ứng của ứng sanh đến nhưng có được ứng hiện của cảm ứng, nếu căn cứ ở chỗ ứng hiện thì linh động có đủ bốn nghĩa.

Hỏi: Có Bồ-tát ở phương dưới hiện lên, ngài Diệu Âm từ phía Đông đi đến, như trong Đại kinh triệu thỉnh mười phương các đại Bồ-tát tập hợp tại rừng Bà-la nói âm thanh Sư tử hống, vậy đối với bốn quyến thuộc ở trên, thì hàng Bồ-tát ấy thuộc hạng nào?

Đáp: Là do thân thông mà đến chứ chẳng phải thân thông sanh; là ứng hiện đến chứ chẳng phải ứng sanh, là vì đại thế nguyện tương

quan chứ chẳng phải nguyện sanh, là nhân duyên chiêu cảm nhau. Như “phương dưới nghe âm thanh, Diệu âm, thấy ánh sáng” là sự nghiệp lớn của chư Phật mà đến chứ chẳng phải nghiệp sanh. Nghiệp sanh thì không có khả năng nghiệp đến, nghiệp đi đến chẳng phải là nghiệp sanh. Nguyện lực và thần thông sanh không thể dùng nguyện lực và thần thông đi đến, dùng nguyện lực và thần thông đi đến cũng có khả năng nguyện lực và thần thông sanh, cũng có khả năng ứng hiện đến, và ứng hiện đến cũng có khả năng ứng hiện sanh v.v...

- Nói rõ diệu và thô nghĩa là nếu quyến thuộc căn tánh của Tam tạng thì tánh hạ liệt này xưa kia kết duyên với Phật đây và duyên cũng nhỏ bé nông cạn nên khoảng trung gian lấy pháp mà thành thực và thành thực ít. Nếu tương lai sanh vào cõi nước của Phật thì làm nội ngoại quyến thuộc do nghiệp, nguyện lực và thần thông sanh v.v..., cho đến ứng hiện làm chúng ảnh hưởng vào Phật của Tam tạng cũng đều là quyến thuộc “thô”. Căn tánh của Thông giáo và Biệt giáo cho đến làm quyến thuộc nội ngoại, tuy khéo riêng biệt có khác nhưng dựa theo tiêu chuẩn trên theo thông lệ có thể biết, đều là quyến thuộc “thô”. Kinh này nói “các chúng sanh đều là con của ta” tức chẳng phải là khách và người làm công”. Nếu luận về lý tánh của chúng thì đều là con cho nên gọi là quyến thuộc lý tánh vi diệu. Lại nữa, xưa kia giảng lại pháp mà kết duyên “buộc chân” và được hai vạn ức đức Phật dạy đạo vô thượng. Kinh nói “nếu Ta gặp chúng sanh thì đem Phật đạo dạy cho họ. Nếu chúng sanh không có Phật tánh mà đem Phật đạo để chỉ dạy là lỗi của Phật; nếu chúng sanh đều có Phật tánh nhưng vì mê hoặc mà không thọ nhận sự chỉ giáo thì đó là lỗi của chúng sanh”. Tất cả chúng sanh đều có tâm đều sẽ thành Phật. Xiển-đề không đoạn tâm vẫn còn “phản hồi” thì làm Phật có khó gì! Hàng Nhị thừa đoạn thân diệt trí, diệt trí tức tâm hết và hủy diệt thân tức sắc hết. Như vậy sắc, tâm đều tan hoại và hạ người ấy đối với năm dục không còn kham nhận nhưng có thể đời đời gặp Phật chỉ dạy Phật đạo. Đây tức là trung gian thành thực vi diệu. Nay ở trong kinh Pháp Hoa nói đều được làm Phật tức sự việc thật hiếm có. Như vị Y vương tối thượng có khả năng biến chất độc làm thuốc trị bệnh có thể chữa trị bệnh “mục nát hạt giống” và vô tâm thành Phật. Đây tức là quyến thuộc trong ngoài vi diệu. Ví như khi lâm trận tranh giành lập công đầu. Thứ nhất, Phật nói các giáo, như thu lưới vớt chúng sanh nhưng hàng Nhị thừa hủy diệt tâm nên nơi nơi đều không thể vào, nay ở trong Pháp Hoa hốt nhiên được vào. Cho nên, kinh Niết-bàn xa chỉ ra tám ngàn Thanh văn được thọ ký riêng như mùa Thu thu hoạch,

mùa Đông tàng trữ, lại Phật không còn gì để làm! Nếu đối với Pháp Hoa mà không ngộ nhập Phật tánh thì Niết-bàn không nên xa chỉ ra điều đó! Nếu chúng sanh vốn không có Phật tánh, xưa kia kết duyên thì nay không nên dùng Phật đạo để chỉ dạy! Bởi vì trước có mà phải có sau, thì nghĩa Phật tánh mới rõ thêm, có thể hiểu ý như vậy. Nay hỏi: Bạc Đạo sư nói giáo Hoa Nghiêm là tốt cùng Đốn giáo, thì có nói tất cả chúng sanh có Phật tánh hay không? Nếu giáo đó có thì hàng Nhị thừa sao không nghe kinh, được thọ ký làm Phật mà phải sống sờ như cam như điếc? Nếu nói hàng Nhị thừa vốn có Phật tánh nhưng do hấp tấp chấp vào pháp nhỏ mà hủy hoại căn bản thì căn bản đã bị hoại có thể chữa trị, hay không thể chữa trị? Nếu có thể chữa trị cơ sao không chữa trị? Nếu không thể chữa trị thì sao được nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh? Do vậy cho nên biết ở giáo Hoa Nghiêm không thể chữa trị là thuyết phương tiện. Kinh Pháp Hoa có khả năng chữa trị thuyết Như thật. Do năng chữa trị bệnh khó trị cho nên gọi đó là vi diệu, tức kết duyên vi diệu, thành thực vi diệu, nghiệp sanh vi diệu, nguyện sanh vi diệu, ứng sanh vi diệu, nội quyến thuộc vi diệu, ngoại quyến thuộc vi diệu. Do tất cả đều có khả năng thọ nhận đạo vi diệu ảnh hưởng đến sự việc vi diệu cho nên gọi là diệu. Nếu đem ý này mà ước định ở năm vị giáo thì Nhữ giáo có hai loại quyến thuộc Biệt giáo và Viên giáo với một loại thô, một loại diệu, Lạc giáo chỉ có một loại thô; Sanh tô giáo có ba loại thô, một loại diệu, Thục tô giáo có hai loại thô, một loại diệu. Riêng Pháp Hoa không có thô mà chỉ có một loại diệu, đó gọi là đối đãi nhau nhằm nói rõ quyến thuộc vi diệu. Lại nữa, khai mở thô mà hiển bày diệu nghĩa là các kinh nêu ra quyến thuộc “thô” đều không thấy được Phật tánh, nhưng nay kinh Pháp Hoa quyết định “Thiên Tánh” rõ ràng là cha con chẳng phải là khách làm công. Cho nên Thường Bất Khinh đã sâu sắc chứng được ý này mà biết “Chánh nhân của tất cả chúng sanh không mất, nên không dám khinh mạn”. “Đối với Phật quá khứ, hiện tại hoặc sau khi Phật diệt độ nếu có người nghe một câu đều được thành Phật đạo” tức là biết rõ Liễu nhân không mất. “Cúi đầu, chấp tay đều thành Phật đạo” tức là Duyên nhân không mất. “Tất cả chúng sanh đều có đủ ba đức này” tức là khai mở thô mà hiển bày diệu, là quyến thuộc vi diệu tuyệt dứt đối đãi.

- Nói pháp môn quyến thuộc là như Bồ-tát Phổ hiện hỏi cư sĩ Tịnh Danh: Cha mẹ, vợ con, thân thích, quyến thuộc, dân lại, tri thức là ai? Tổ trai, tổ gái, voi, ngựa, xe cộ đều ở tại chỗ nào? Tịnh Danh đáp: Phương tiện là cha, Trí độ là mẹ. Tất cả các bậc đạo sư đều do đó mà

được sanh ra. Pháp hỷ là vợ, từ bi là con gái, thiện tâm thành thật là con trai. Ở trong nhà “Không tịch” rất ráo, chúng đệ tử và các trần lao tùy ý mà chuyển biến. Các phẩm đạo chính là thiện tri thức nên nhờ vào đó mà thành chánh giác. Pháp môn này dùng để làm quyến thuộc. Nếu như vậy thì pháp môn bất đồng với sâu, cạn có khác. Nếu pháp môn của Tam tạng lấy quán Chơn làm Thật và lấy quán Giả làm Quyền thì khi hai trí này viên mãn tức gọi là Phật. Khi ấy Phật tức là đạo sư từ bi thương xót sáu đường khổ tức là con gái, khiến người khác khéo thuận theo Chơn để là con trai. Khi đạt được pháp này mà sanh tâm hoan hỷ là vợ. Trong tâm này tu các Ba-la-mật, phẩm đạo v.v... tức là thiện tri thức.

Nếu là pháp môn quyến thuộc (lấy pháp môn làm quyến thuộc) theo quan điểm của Thông giáo tức Quán chiếu các pháp như huyền như hóa, thể đạt được “tức không” làm thật trí, phân biệt bốn môn có đồng và khác làm quyền trí. Đối với hai trí này mà sanh giải thoát thì gọi là đạo sư; từ ái đối với chúng sanh thì gọi là con gái; khiến chúng sanh phát khởi chơn tâm tức là con trai; thực hành phẩm đạo, lục độ tức là thiện tri thức. Đây cũng là pháp môn quyến thuộc trong Thông giáo v.v...

Nếu là pháp môn quyến thuộc của Biệt giáo thì có hằng hà sa quyến thuộc. Nghĩa là Chơn đế và Tục đế hợp làm quyền trí là cha, thật lý của trung đạo là mẹ. Vô lượng từ thiện, vô lượng phẩm đạo, các Ba-la-mật thông đạt không ngưng trệ, Đạo chủng trí phân minh quan sát căn cơ, biết rõ thuốc trị liệu tức là quyến thuộc của Biệt giáo. Do đó kinh Vô Lượng Nghĩa nói “Chư Phật là pháp vương, là cha còn kinh giáo dạy người là mẹ, sự hòa hợp sanh ra các vị Bồ-tát là con”. Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói “Tam muội Ban Chu là cha, Đại bi vô sanh là mẹ. Tất cả các đức Như Lai đều từ hai pháp này mà sanh ra”. Luận Bảo Tánh nói “đại thừa lấy niềm tin làm con, lấy Bát-nhã làm mẹ, lấy Thiền thai, đại bi làm “nhũ mẫu”. Chư Phật như thật làm con. Xiển đề ché bai là chướng đại thừa. Ngoại đạo toan tính chấp có trong thân là Ngã chướng. Thanh văn lo sợ là chướng sơ sanh tử, Bích chi Phật xả bỏ làm lợi ích cho chúng sanh là chướng. Bồ-tát tu bốn pháp làm đối trị, tu niềm tin, tu Bát-nhã, tu thiền định “hư không” và định “Thủ lạng nghiêm, tu đại bi mà đạt được pháp giới thanh tịnh, đến bờ giác ngộ, thấy được tánh của Như Lai nên sanh vào nhà của Như Lai làm con của Phật. Đã nói thấy tánh của Như Lai và sanh vào nhà của Như lai nên biết là dùng Như lai làm cha. Vô lượng pháp môn không thể nói hết, không thể nói

hết đều có thể ra con của Phật v.v...

Nếu là pháp môn của Viên giáo nêu ra quyền thuộc tức lấy ba đế của tự hành làm thật trí, một đế và ba đế của “hóa tha” làm quyền trí; một đế hoặc ba đế của tùy tình làm quyền trí, một đế hoặc ba đế của tùy trí làm thật trí. Từ chỗ không thể nghĩ bàn này mà sanh khởi hiểu biết. Lại nữa lấy sự nhất tâm hành đầy đủ vạn thiện làm con trai và “đại bi vô duyên từ” làm con gái, lấy việc nghe về tri kiến của Phật mà sanh hoan hỷ làm vợ và lấy sự việc chẳng phải tịnh chẳng phải cấu v.v... trung đạo, phẩm đạo, sáu pháp Ba-la-mật làm thiện tri thức. Như vậy chính là lấy pháp môn với Thật tướng tốt bậc viên dung làm quyền thuộc. Do đó, ở trong địa vị Sơ trụ liền thành chánh giác có thể hiện ra tám tướng thành đạo để giáo hóa chúng sanh tức là đạo sư. Do các pháp môn từ trước đến nay vốn là thô nên cũng lưu xuất ra các đạo sư thô. Nay các pháp môn làm quyền thuộc vi diệu nên xuất sanh các đạo sư cũng vi diệu. Nếu đem ý này kết hợp qua năm vị giáo thì Như giáo có một thô, một diệu; Lạc giáo chỉ có một thứ thô; Sanh tô giáo có ba thứ thô và một thứ diệu; Thục tô giáo có hai thứ thô và một thứ diệu. Pháp Hoa chỉ có một diệu. Nói ý đối đãi thô xong. Các kinh nói diệu là tự vi diệu còn thô là tự thô. Nay kinh này chẳng những lấy diệu làm diệu mà còn không có thô để nói rõ tất cả các thứ thô trước nay đều trở thành rõ ràng là một pháp môn vi diệu của trí tuệ bình đẳng. Như vậy đã nói rõ ý tuyệt nhiên không có đối đãi.

- Quán tâm quyền thuộc: được chia làm sáu phần: 1. Ái tâm; 2. Thấy tâm; 3. Bốn giáo (trong đây lấy bốn giáo làm bốn phần). Ái tâm quyền thuộc nghĩa là lấy vô minh làm cha còn si và ái làm mẹ, sự phát khởi phiền não làm con cháu. Vì lấy tham trước và nhớ nghĩ tướng tượng để muốn đạt được pháp môn trong tâm nên ma quỷ liền nhập vào như tướng tượng về người nữ xinh đẹp khiến tâm tà bám chặt vào đó. Hành giả cũng như vậy, nhớ nghĩ tướng tượng chuyên về tà vạy cho nên mọi thứ tà pháp liền nhập vào. Do dùng lực của quỷ ma mà hoặc sanh hiểu quyền trí, hoặc sanh khởi hiểu thật trí. Do hiểu biết tà vạy sanh khởi nên đạo sư của quỷ phát sanh rồi khởi lên từ thiện của quỷ chấp trước tà pháp lấy làm vui, hành sáu độ và phẩm đạo tà vạy khiến đạt được tâm biện luận tà vạy, miệng khéo nói các pháp môn tà tức là “ái tâm quyền thuộc” (lấy tâm ái làm quyền thuộc). Vì tướng tà mãnh liệt mà phát khởi đạt được bốn cái thấy. Thấy tâm quyền thuộc là tìm tòi trong sách tạo ra các pháp môn và lấy những gì tâm thấy làm Thật, lấy Kiến giải đồng với người khác làm quyền, lấy tâm khởi ái làm con



gái, lấy tâm phân biệt làm con trai. Như vậy trong tâm tu “lục độ” làm phẩm đạo. Đó gọi là lấy tâm làm quyến thuộc. Vì sao? Vì do Kiến, ái không biết rõ khổ tập của tâm mình mà vọng cầu cho là diệt, đạo. Do không biết “văn tự” và “chẳng phải văn tự” nên như “trùng ăn cây mà ngẫu nhiên đạt được tên gọi của pháp môn. Tuy có tên gọi nhưng vô nghĩa há chẳng phải là Kiến ái sao! Nếu có thể Quán chiếu tâm thì biết tâm Kiến ái đều là pháp do nhân sanh, vô thường sanh diệt tức liền có bốn thứ quán tâm quyến thuộc (lấy quán tâm làm quyến thuộc). Như kệ trong Trung Luận nói “nhân duyên sanh ra pháp tức không, giả, trung đạo”, vẫn ở trong bốn pháp quán này, mỗi quán nói rõ quyến thuộc chuẩn theo trước có thể biết. Nếu phán quyết năm quán tâm là thô và một tâm quán sau là diệu, lại phải quyết định ở thô để luận về diệu. Người đời còn không thấy tâm Kiến ái là do nhân duyên sanh thì sao biết được tâm thuộc nhân duyên “tức không”, “tức Giả”, cảnh giới của Phật, lại đối với các Kiến tâm bất động mà tu ba mươi phẩm Bồ-đề ư! Nay Quán chiếu ái tức là pháp tánh, Quán chiếu các Kiến bất động mà tu tập ba mươi bảy phẩm Bồ-đề tức là cảnh giới của ma và cái thấy tức là cảnh giới của Phật, ở trong chỗ “chẳng phải văn tự” mà có khả năng biết “văn tự”, thực hành chẳng phải đạo mà thông đạt Phật đạo. Do đó ở trong tất cả pháp không chỗ nào là không có sự vi diệu. Nên ra “sự quyến thuộc” để hàng phục người học thông văn tự; nói lên “pháp môn làm quyến thuộc” để hàng phục người thực hành giáo nghĩa, nêu ra quán tâm làm quyến thuộc để hàng phục người “ngồi thiền quán tâm”. Ba loại pháp môn này đều vượt qua sự thấy và nghe của họ v.v...

- Nói về công đức, lợi ích Diệu, tức chỉ cho sự đồng nhất không khác của công đức và lợi ích chúng sanh. Nếu phân biệt rõ thì tự lợi gọi là “công đức” còn đem lại lợi ích cho người khác thì gọi là lợi ích v.v... Lợi ích này được chia làm bốn phần. 1. Ý nghĩa của lợi ích; 2. Lợi ích trong chánh thuyết; 3. Lợi Ích trong lưu thông kinh; 4. Lợi ích trong quán tâm.

Ý nghĩa lợi ích nghĩa là việc làm của chư Phật chưa từng có uống phí. Thích Luận nói “Phật nhập vào Tam-muội vương, trước phóng quang độ người trước và sau phóng quang độ người sau. Ví như lưới bắt cá trước sau đều đánh bắt. Nếu thấy ánh hào quang mà nghe pháp thì đều không có uống phí. Tịnh Danh nói “pháp báu chiếu khắp và mưa Cam lồ khiến thân, khẩu đều được lợi ích”. Hoa Nghiêm và Tư ích đều nói “phóng quang mà phá xan tham, sân, si v.v... thì đầy đủ như thuyết kia”. Nay kinh nói bốn vị đệ tử lớn lãnh hội lợi ích từ việc khai mở ba

thừa để hiển bày một thừa của Phật. Phật nói “Như Lai lại có vô lượng công đức dù các ông nói cũng không thể hết. Ví như mây lớn nổi lên ở thế gian” tức dụ cho lợi ích của hình ảnh. “Kéo mưa và sấm chớp” là dụ cho lợi ích của thần thông. “Mưa ấy bủa khắp v.v... là dụ cho lợi ích của việc thuyết pháp”. Mà các cỏ cây đều được sanh trưởng” là dụ cho bốn loại quyền thuộc thắm nhuần bảy thứ lợi ích cho nên kế đó mới nói rõ sự vi diệu của lợi ích.

Sự lợi ích trong chánh thuyết lại được chia làm ba phần: 1. Luận về lợi ích xa; 2. Luận về lợi ích gần; 3. Luận về lợi ích thuộc văn kinh. Lợi ích xa nghĩa là như mười sáu vị vương tử của đức Đại Thông Trí Thắng hỗ trợ việc giáo hóa, tuyên dương chánh pháp. Khiến cùng đánh lên hai thứ trống trời và độc với thiện sanh có sâu, cạn và “hoặc, tử” có nhanh chậm. Ban đầu trời người đều thiện và sau cùng đến lợi ích nông cạn của cây lớn, ban đầu là sự tối thật của hàng sơ tâm và cuối cùng là sự lợi ích sâu xa tối thật của tâm sau, ban đầu phá trừ bất thiện và cuối cùng phá trừ “Trần-sa hoặc” tức là chết chậm ban đầu phá trừ vô minh và cuối cùng cũng phá trừ vô minh là chết nhanh. Sự nhanh chậm của cái chết là lực của trống trời và độc, khéo sanh khởi lực trống trời có sâu cạn. Do đó vẫn nói “vì phá các hữu, pháp vương xuất hiện ở đời, tùy sự ưa thích của chúng sanh mà vì họ thuyết pháp” tức là văn nghĩa của hai loại trống”. Nghĩa phá hữu thì như trước đã nói. Nghĩa của thuyết pháp lợi ích thì nay sẽ nói và lược phân làm bảy lợi ích: 1. Lợi ích quả báo có hai mươi lăm cõi, cũng gọi là “trên đất đều mát mẽ”; 2. Lợi ích nhờ hoa khai nở ở hai mươi lăm cõi, cũng gọi là “cỏ nhỏ được lợi ích”; 3. Tam-muội Chơn đế đưa đến lợi ích về tích pháp cũng gọi là “lợi ích của cỏ bậc trung”; 4. Tam-muội của Tục đế với lợi ích của năm thứ thần thông, cũng gọi là “lợi ích của cỏ thuốc bậc thượng”; 5. Tam-muội của Chơn đế là lợi ích thể pháp, cũng gọi là “lợi ích của cây nhỏ”; 6. Tam-muội của Tục đế với lợi ích của sáu loại thần thông, cũng gọi là “lợi ích của cây lớn”; 7. Tam-muội vương của Trung đạo làm lợi ích cũng gọi là lợi ích của sự thật tối thượng. Nếu hai mươi lăm cõi với lợi ích của nhân quả thì gọi là nghiệp sanh quyền thuộc. Nếu là lợi ích thuộc Thể, Tích pháp Tam-muội của Chơn đế thì gọi là “nguyện sanh quyền thuộc”. Nếu là lợi ích của năm, sáu thần thông thuộc Tam-muội của Tục đế thì kham nhận làm “thần thông quyền thuộc”. Nếu là lợi ích thuộc Tam-muội vương của trung đạo thì kham nhận làm “ứng sanh quyền thuộc”. Nếu nói cho đủ thì phải có bốn thứ song song và tám thứ lợi ích nhưng vì trực tiếp khai mở trước mà hợp sau cho nên chỉ nói bảy thứ lợi ích. Nếu

khai mở sau mà hợp trước thì cũng có bảy thứ lợi ích. Nếu trước sau đều khai mở thì có tám thứ lợi ích tức lợi ích thứ tự của trung đạo và lợi ích không thứ tự của trung đạo. Nếu trước sau đều hợp thì chỉ có sáu thứ lợi ích v.v... Như vậy là đã lược nói xong bảy thứ lợi ích.

Nay rộng khai mở nói đến mười thứ lợi ích: 1. Quả lợi ích; 2. Nhân lợi ích; 3. Lợi ích của Thanh văn; 4. Lợi ích của Duyên giác; 5. Lợi ích của pháp lục độ; 6. Lợi ích của Thông giáo; 7. Lợi ích của Biệt giáo; 8. Lợi ích của Viên giáo; 9. Lợi ích của biến đổi; 10. Lợi ích của thật báo. Quả lợi ích tức là lợi ích thuộc quả báo của hai mươi lăm cõi. Trong đó có tám địa ngục tức là A-tỳ, Hắc tăng, Chúng hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Tiêu nhiệt, Đại tiêu nhiệt, Tửng. Mỗi địa ngục ấy đều có mười sáu ngục nhỏ làm quyến thuộc và nếu hợp tất cả lại thì có một trăm ba mươi sáu chỗ. Đây chính là địa ngục nằm sâu bên dưới mặt đất hai vạn do tuần, các địa ngục bên cạnh hoặc ở trên đất, hoặc ở trong núi Thiết vi. Nếu ở bên thì nhẹ còn chính diện thì nặng. Nặng thì biến khắp trải qua một trăm ba mươi sáu do tuần. Nếu ở trung gian thì không biến khắp còn ở dưới thì lại giảm bớt. Trong đó chúng sanh thường bị cái khổ thiêu đốt bức bách không thể nói hết và người nghe thật kinh sợ. Kinh Tứ Giải thoát gọi đó là “hỏa đồ” tức vừa vào vừa ra, cả hai thời có thể biến hóa khôn lường. Tội nhưn trong đó nếu nhờ vào thiện căn đời trước nên có thể phát khởi sự thích nghi tương quan thì được Thánh nhưn đi đến cảm hóa, hoặc thấm nhuần ánh sáng chiếu soi, hoặc mưa tuôn xuống dập tắt lửa, hoặc Điều-đạt-bà-tẩu thuyết pháp khai thị khiến tâm phiền muộn bị thiêu đốt thức tỉnh lại và thân thể trở nên mát mẻ mà nhận lấy hai thứ lợi ích ẩn và hiển cùng các khổ não được dứt trừ. Tám ngục băng lạnh nghĩa là A-bà-bà v.v... cũng có một trăm ba mươi sáu chỗ cho đến nhận lãnh được hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Vì ấm nóng thích nghi với thân nên gọi là được lợi ích mát mẻ ngay ở địa ngục.

Nói đến súc sanh thì lược có ba loại: ở dưới nước, ở trên đất và ở không trung. Loài ở trên đất có ba hạng: Nặng, vừa và nhẹ. Nếu nặng tội thì chui rúc trong đất không thấy được ánh sáng mặt trời. Nếu hạng vừa thì ở trong rừng núi. Nếu nhẹ tội thì được người nuôi dưỡng. Loài này hễ có sức mạnh thì đề bẹp kẻ yếu để ăn thịt uống máu nên có trăm mối lo sợ. Kinh Tứ Giải Thoát gọi đó là “huyết đồ”. Trong đó chúng sanh nhờ vào căn lành đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan nên Thánh nhưn mới cảm ứng hóa độ họ khiến đạt được chỗ không sợ và nhận lấy hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Đây là lợi ích trong lành trên quả súc sinh.

Nga quỷ là hoặc cư trú ở trong biển cả, hoặc ở tại trong núi rừng thuộc nhân gian, hoặc tương tự hình người hình thú. Nếu nặng tội thì lửa đốt khát bốc lên đốt cháy cổ họng mà không nghe đến tên gọi của cơn nước. Nếu ở bậc trung thì rình mà tìm kiếm máu mủ cáu bẩn và phần dơ uế. Nếu nhẹ thì được ăn uống no nê trong một buổi. Hơn nữa lại bị dùng dao gậy đánh đập xua đuổi bức bách nên ngăn sông, lấp biển v.v... Kinh Tứ Giải Thoát gọi đó là “đạo đồ”. Trong đó, chúng sanh nếu nhờ vào căn lành đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan thì được Thánh nhơn đi đến đối ứng giáo hóa. Tay các vị ban ra sữa hương để bố thí khiến họ ăn uống được no nê mà tiếp nhận hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Đây là lợi ích mát mẽ trên quả của nga quỷ.

A-tu-la là hoặc cư trú ở tại trong hang cao nhất của nửa núi Tu-di, hoặc ở một bên trong biển lớn, hoặc ở dưới đáy biển lớn. A-tu-la có sự thù địch với chư thiên nên thường lo âu và sợ hãi. Đối với cảnh giới này thì một khi sấm chớp lên tức cứ ngỡ trống trời và rồng phun mưa tức biến thành đao kiếm. Trong đây, chúng sanh nếu đời trước gieo trồng căn lành mà có thể thích nghi tương quan thì được Thánh nhơn đi đến đối ứng giáo hóa họ. Các ngài dùng lời nói nhu nhuyến để điều phục khiến họ tiếp nhận đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Đây là lợi ích mát mẽ trên quả của A-tu-la.

Người trong bốn thiên hạ, tuy quả báo có thù thắng, có hạ liệt nhưng đều có sanh, già, bệnh, chết đồng là quả báo nhẹ ở địa ngục. Trong đó chúng sanh nếu nhờ thiện căn đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan thì được Thánh nhơn đi đến đối ứng cảm hóa họ khiến “những xa lìa được xa lìa, những mong cầu được chỗ mong cầu và tiếp nhận đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển.

“Lục dục thiên” nghĩa là “địa thiên” riêng có nạn chiến đấu của A-tu-la và chung có năm tướng suy, chết và khổ như địa ngục. Chư Thiên ở trong đó nhờ vào thiện căn đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan nên được Thánh nhơn đi đến đối ứng cảm hóa khiến tiếp nhận đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển.

Tứ thiên, Phạm vương, Vô tướng, Na-hàm, Sắc giới v.v... tuy không có các khổ não của cõi dưới nhưng bị sự ngăn ngại của sắc. Như khi mạng chung không thể lạc nhập vào thiên, gió thổi xúc chạm thân khiến chỉ ngoại trừ nhãn thức còn các thức khác đều có khổ. Chư thiên ở trong đó nhờ vào căn lành đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan nên Thánh nhơn đi đến đối ứng cảm hóa khiến tiếp nhận đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển.

Chư Thiên bốn cõi trời Không tuy không có cái khổ của Dục giới và Sắc giới như mụn nhọt, ung thư, ngu si, như tên bắn vào thân thể nhưng có phát sanh phiền não vi tế. Chư thiên trong cõi này nhờ vào căn lành đời trước mà có thể phát khởi thích nghi tương quan nên Thánh nhân đi đến đối ứng cảm hóa khiến họ tiếp nhận đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Sự lợi ích mát mẽ này nếu hợp lại mà nói thì nhờ vào căn lực từ thiện của phàm và Thánh, còn nếu riêng biệt mà nói thì vốn do Bồ-tát ban đầu Quán chiếu để ngăn ngừa cái ác của hai mươi lăm cõi mà khởi tâm bi, Quán chiếu các thiện năng trừ ác của hai mươi lăm cõi mà khởi tâm từ. Vì dùng từ bi này huân Tam-muội nên không xả bỏ chúng sanh mà đi đến thích nghi tương quan khiến họ được lợi ích. Đại kinh nói “hai mươi lăm Tam-muội phá trừ hai mươi lăm cõi” tức là một ý ở trong mười lần được tóm lược như đây.

Lần hai là hai mươi lăm cõi được lợi ích tu nhân: Phàm là nhân quả của mình và người, thì mỗi thứ đều tùy thuộc ở nghĩa thuận tiện. Nếu xen kẽ từng thứ nói thì dễ, như trước nói lợi ích của quả. Nhưng vì xứ sở thời tiết không giống nhau, nên không thể ở trong một thân mà biện luận đầy đủ về các thứ lợi ích. Nếu theo nhiều người nhiều xứ thì dễ hiển bày. Nếu nói rõ lợi ích của nhân thì tâm của một người khởi vô lượng nghiệp. Do nghĩa ấy dễ hiển bày nên ước định một người để nói rõ lợi ích tu nhân của hai mươi lăm cõi. Sao gọi là lợi ích của nhân? Lợi ích của bốn nhân hoại, lợi ích của hai mươi mốt nhân thành tựu, hoặc lợi ích của một nhân hoại diệt, lợi ích của một nhân thành tựu, lợi ích của hai mươi ba nhân cũng thành tựu cũng hoại diệt. Nếu không có giới kiểm chế thì thân khẩu của người ấy phóng túng tạo ra nghiệp của bốn đường ác nên gọi là người của địa ngục. Nếu xả bỏ điều ác mà trì giữ giới thì gọi là nhân thấy người trời. Nhưng cấm giới nghiêm ngặt, khó khăn nếu gặp duyên khiến loạn động thối lui thì ác nghiệp hưng khởi trở lại nên hoặc phạm bốn trọng tội hay năm tội ngũ nghịch, phá hủy chùa tháp. Tâm này khi sanh khởi thì ác nghiệp khởi lên và giới diệt mất. Nghiệp này nếu thành thực thì rơi vào đường ác. Nếu muốn xa lìa tâm này thì phải thành tựu giới thiện khiến có thể phát khởi căn cơ thích nghi tương quan chiêu cảm của Tam-muội vô cấu đi đến đối cảm giáo hóa. Ác tâm nếu chấm dứt thì tâm ở địa ngục cũng chấm dứt mà đạt được đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển v.v... Nay, người tuy vào đạo tràng để sám hối nhưng tâm ác không chuyển, nghiệp ác không hoại diệt thì sự trôi buốc không đoạn dứt và tội không thể diệt. Hoặc xan tham đua nịnh, ưa thích tranh đoạt danh lợi bên trong không có đức thật sự mà muốn người ca

ngợi. Và một khi nghiệp ác này bị khởi lên thì giới bị đê phục khiến rơi đọa vào cõi ngạ quỷ. Nếu không có tâm hổ thẹn thì như mang nợ mà không trả nổi. Nếu không có tâm cung kính thì kiêu mạn, sân hận, tham lam thao túng. Một khi tâm ác này khởi lên thì giới bị khuấy phục rơi đọa vào đường súc sanh. Nếu ganh ghét đố kỵ với người hiền có khả năng và để vượt qua người khác mà tu tập phước lực với phương tiện tâm ác độc nên rơi vào đọa lạc và kinh sợ người khác. Một khi ác nghiệp này khởi lên thì giới bị khuấy phục và rơi và nghiệp của A-tu-la. Nếu muốn xa lìa ba thứ ác tâm này thì phải thành tựu thiện giới. Giới thiện này có khả năng phát khởi căn cơ thích nghi tương quan nên Thánh nhân đi đến đối ứng mà cảm hóa. Nếu ác tâm hoàn toàn bị phá trừ thì giới thiện đầy đủ. Đây gọi là nhân của bốn cõi ác bị hoại diệt và nhân của trời người thành tựu khiến tiếp nhận được đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Đây là ước định tu nhân ở cõi người mà đưa ra sự giải thích này. Nếu ước định ở các cõi thì vừa ra khỏi địa ngục lại nhập vào súc sanh, vừa ra khỏi súc sanh lại nhập vào ngạ quỷ, vừa ra khỏi ngạ quỷ lại nhập vào Tu-la, vừa ra khỏi Tu-la lại nhập vào cõi người. Tất cả đều liên tục có nhân rồi nhân trở thành nghiệp mà chuyển. Điều này theo thông lệ có thể biết v.v... Nếu kiên trì năm giới, nghiêm thực hiện việc nhân nghĩa, hiếu thuận cha mẹ, sanh tâm kính tin và biết hổ thẹn tức là nghiệp của cõi người. Nghiệp của loài người có bốn phẩm: Thượng, trung, hạ và hạ hạ. Nếu căn cứ ở quả báo thì cõi Diêm-phù-đề thuộc phẩm “hạ hạ”. Nếu căn cứ vào sự “nhập đạo” thì cõi Uất-đơn-việt thuộc phẩm “hạ hạ”. Hoặc khi thiện tâm chấm dứt, cuối cùng chỉ có ác niệm mạnh mẽ. Nếu thiện tâm có thể thành tựu thì tâm ác có thể diệt mất, nên căn cơ thích nghi tương quan khiến Thánh nhân đi đến đối ứng cảm hóa. Nếu bốn cõi ác bị hoại diệt thì bốn phẩm thiện được thành tựu khiến đạt được đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển v.v... Nếu tu tập mười thiện nghiệp tùy ý vận dụng không gián đoạn khiến tâm thiện thuần phục tức là nghiệp của cõi trời, có nên nói thuần nghiệp. Nếu tâm ác không có khoảng trống cho niệm thiện khởi lên thì đó là nghiệp của cõi người và quả báo trong cõi người với khổ vui xen lẫn nhau. Nếu mười nghiệp thiên tùy ý vận dụng thuần phục thì đó là nghiệp của cõi trời và quả báo trong cõi trời vốn tự nhiên. Nếu tu mười thiện nghiệp và kiêm luôn việc khởi tâm hộ trì pháp thì đó là nghiệp của trời Tứ Thiên Vương. Nếu tu mười thiện nghiệp và kiêm luôn việc dùng tâm từ giáo hóa người thì đó là nghiệp của cõi trời thứ ba mươi ba. Nếu tu mười thiện nghiệp và tâm nhẹ nhàng vì diệu tự tại thuần phục khiến đi, đứng nằm ngồi không gây nhiễu hại cho chúng



sanh, khéo léo thuận thực không gián đoạn thì đó là nghiệp của cõi trời Diễm ma. Nếu tu mười thiện nghiệp và tu thiền định để thu nhiếp tâm nhằm trụ vào thô, trụ vào tế thì đó là nghiệp của cõi trời Đâu suất. Nếu tu thiền định của dục giới là nghiệp của cõi trời Hóa lạc. Vị chí định ở phá sự chướng thì đó là nghiệp của Trời Tha Hóa, Tứ thiền là nghiệp Sắc giới, Kiên tu Từ-bi-hỷ-xả trong tâm số pháp và đặc định là nghiệp của Trời Phạm Vương. Nếu diệt tâm rồi tu định vô tâm thì đó là nghiệp của trời Vô tướng.

Hỏi: Trời Vô tướng là tà kiến thì sao gọi là căn cơ cảm ứng?

Đáp: Đại Tập nói “Bồ-tát điều phục chúng sanh có nhiều loại hoặc tà, hoặc chánh nhưng thực hiện “phi đạo” mà thông đạt Phật đạo v.v...”. Hoặc các cữ Luận sư nói “Thánh như dùng hai phần vô lậu và kèm thêm huân tập một phần hữu lậu để luyện thành vô lậu”. Nay nói chín định “thứ đệ” huân tu hữu lậu thành vô lậu thì đó là nghiệp của A-na-hàm. Nếu tu “Tứ không định thì đó là nghiệp của cõi trời Vô sắc”. Như vậy v.v..., hai mươi một cõi lo lắng về cái khổ thô tháo của tự địa mà muốn tu để thoát ra khỏi tiêu mục “chỗ mong cầu không đạt được, chỗ xa lìa không thể lìa xa”. Bấy giờ gọi đó là có thể phát khởi căn cơ thích nghi liên quan chiêu cảm lực từ bi của hai mươi một thứ Tam-muội mà phá trừ nhân tu ấy khiến chỗ xa lìa được xa lìa, chỗ mong cầu được thành tựu và trừ khổ ban vui khiến tiếp nhận được hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Điều ấy như văn kinh nói “loại cỏ nhỏ với rễ nhỏ, thân nhỏ, cành nhỏ, lá nhỏ mà được sanh trưởng” tức là sự lợi ích này. Nếu hợp lại mà nói thì điều ấy nhờ vào căn lực từ bi của phàm, Thánh mà thành. Nếu nói riêng biệt thì vốn do Bồ-tát ban đầu trì giữ hai trăm năm mươi giới và tu thiền căn bản v.v... Đối với mỗi giới đều phòng hộ trong pháp thiện nên đều khởi từ bi. Do thế nguyện căn bản của từ bi huân tập Tam-muội vương mà không xả bỏ chúng sanh nên đi đến sự thích nghi liên quan khiến họ đều được lợi ích. Đại kinh nói “hai mươi lăm thứ Tam-muội phá trừ hai mươi lăm cõi” nghĩa là hai ý trong mười lần lợi ích, tóm lược như đây v.v...

Lần ba: Lợi ích của Thanh văn nghĩa là: Nếu người nhàm chán bệnh hoạn “sanh tử” nhưng vì chết mà thọ nhận sanh vì sanh quay về chết, khiến mệt nhọc lụy phiền đến tinh thần, luân chuyển không bờ bến với tham dục tự gây tệ hại cho mình như trâu yêu mển cái đuôi không thể giải thoát được. Do đó nói: Nếu người gặp phải khổ mà nhàm chán, già, bệnh, chết thì vì họ mà nói Niết-bàn để họ đoạn hết các khổ não. Đã mang tâm nhàm chán nên bên trong quyết chí xuất ly khổ ải.

Vì sự việc này cho nên tu tập đạo của Thanh văn. Hoặc khi trì giới La-sát Ái kiến đến quá rồi hủy hoại phao giới trở nên bất tịnh. Do giới trở nên bất tịnh nên Tam-muội không hiện ra trước mắt. Đã không có giới và định thì vô lậu không phát khởi cho nên phải nhất tâm tu giới, định, tuệ. Nếu có thể phát khởi căn cơ thích nghi liên quan thì chiêu cảm đến lực gia bị của bốn loại Tam-muội như Vô cấu v.v... khiến nghiệp của bốn đường ác không thể phát khởi và giới trở nên thanh tịnh đồng thời chuyên khổ luyện tu định, tuệ. Trí tuệ nếu có định thì trí tuệ ấy không ngông cuồng và định nếu có trí tuệ thì định không ngu si cho nên gọi đó là bậc hiền. Bậc Hiền này còn gọi là “lân Thánh” (gần gũi bậc Thánh). Tu định, tuệ này với nhất tâm tinh tấn như cứu lửa đốt trên đầu và ham thích thiền tuệ như khát tưởng uống nước để làm yên lắng sự bạo loạn của hai mươi mốt thứ nghiệp hữu lậu. Nếu được lực của các Tam-muội gia bị thì định phát khởi, quán rõ ràng khiến bốn thiện căn thành tựu, đạo hàng phục thuần thực, trong một sát na chuyển biến tức liền phát khởi chơn thật, chứng quả Tu-đà-hoàn nhằm phá trừ hai mươi lăm cõi và thấy rõ bộ mặt thật của tám mươi tám sử phiền não. Điều này nhờ thần thông gia bị của hai mươi lăm Tam-muội khiến đoạn trừ hoặc của “kiến đế và kiêm luôn việc loại trừ “bốn Tư hoặc”. Do đó nói “tâm thứ mười sáu tức nhập vào địa vị “tu đạo” là nghĩa ấy. Nếu là siêu vượt cõi người thì trong nhất thời dùng lực gia bị của mười ba Tam-muội để phá trừ Tư hoặc của năm phần kiết sử dưới. Nếu là hạng độn căn tùy vào từng phần đoạn trừ Tư hoặc ấy thì mỗi phần đều dùng lực gia bị của Tam-muội khiến diệt sạch hoặc chướng của ba cõi mà được lợi ích của Tam-muội thuộc Chơn đế rốt ráo. Đây là lợi ích của loại cỏ bậc trung. Nếu hợp lại mà nói thì nhờ vào căn lực từ thiện của phạm lãn Thánh, còn riêng biệt mà nói thì nhờ vào từ bi căn bản. Ban đầu Quán chiếu cái thiện “tích không” và diệt sắc trong mười pháp giới. Nhân đó mà khởi hồng thệ nguyện huân tập vương Tam-muội khiến không xả bỏ chúng sanh để đưa đến có sự lợi ích của “loại cỏ bậc trung” Đại kinh nói “hai mươi lăm Tam-muội phá trừ hai mươi lăm cõi” nghĩa là “ba trong mười lượt” với ý lược như đây.

Lần bốn: Lợi ích của Duyên giác nghĩa là: Nếu người đời trước đã gieo trồng thiện căn, lanh lợi sâu xa thì tuy hiện tại sinh ra đời không gặp Phật nhưng lại nhằm chán căn bệnh sanh tử mà thích một mình ở nơi vắng lặng để Quán chiếu nhân duyên sâu xa. Văn kinh nói “người đã từng cúng dường Phật với chí cầu pháp thù thắng thì nên vì họ nói pháp Duyên giác”. Người này có phước lớn có thể phát khởi thích nghi

liên quan nên Thánh như đi đến đối ứng cảm hóa họ khiến hoa bay, xuyên động và tiếp nhận được đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn, hiển mà ngộ đạo Bích chi Phật. Hạng người này giống như sự lợi ích của “loại cỏ bậc trung”.

Lần năm: Bồ-tát của “lục độ” Quán chiếu bốn Thánh đế và hành hạnh “lục độ”. Nếu khi hành bố thí mà có người đến xin đầu, mắt, quốc thành, vợ con của mình nhưng hoặc tâm chuyển động thì sự hành bố thí ấy không thành. Nếu tự biết cái ác đó mà muốn thành tựu bố thí tốt thì nên phát khởi căn cơ thích nghi liên quan, thấm nhuần lực Tam-muội hàng phục sự keo kiệt tẻ hại ấy tức phá được cảnh giới “ngạ quỷ”. Khi tâm tẻ ác đã được loại trừ thì liền hoan hỷ như uống vị cam lồ, biết pháp hữu vi là vô thường nguy hiểm thì tâm ưa thích Tam-muội với sự lợi ích ẩn và hiển đầy đủ. Đối với giới luật, nếu thành tựu thì hàng phục được sự tẻ hại của huỷ giới và phá được cõi địa ngục để nhận lấy lợi ích của Tam muội “vô cấu”. Nếu nhẫn nhục thành tựu thì hàng phục được sự tẻ hại của sân nhuế, phá trừ cõi súc sanh mà đạt được sự lợi ích của Tam muội “bất thoái”. Nếu thiền định thành tựu thì hàng phục được sự tẻ hại của loạn động, thoát khỏi cõi người tức đạt được lợi ích của bốn loại Tam-muội. Nếu thành tựu tinh tấn thì hàng phục được sự tẻ ác của giải đãi, phá trừ cõi A-tu-la và đạt đến sự lợi ích của Tam-muội “hoan hỷ”. Nếu thành tựu trí tuệ thì hàng phục được sự tẻ ác của ngu si, thoát khỏi cảnh giới chư thiên và đạt được lợi ích của mười bảy pháp Tam-muội. Sáu thứ tẻ ác ấy là nghiệp của sáu đường lục đạo được nêu ra đầy đủ trong “Bồ-tát-giới-bốn”. Vì hàng phục được nghiệp của sáu đường nên không bị sự náo loạn của các thứ tẻ ác mà đạt được năm thứ thần thông để du hóa trong “lục đạo”. Nếu thành tựu sáu hạnh “lục độ” thì chính là “lợi ích của loại cỏ bậc thượng”. Điều này, nếu nói thông suốt thì giống như trước. Nếu riêng biệt nói thì do vốn Quán chiếu sự thiện, ác của mười pháp giới mà khởi thệ nguyện rộng lớn, huân tập ba thứ Tam-muội nên không xả bỏ chúng sanh v.v...

Lần sáu: Lợi ích của người thuộc Thông giáo tức là hạng “ba thừa” và người hữu học. Nếu ở các địa: Can tuệ, Tánh địa, Bát nhưn và Kiến địa thì dùng hai mươi lăm thứ Tam muội làm lợi ích. Từ Bác địa trở lên Thập địa thì dùng hai mươi một thứ Tam-muội gia bị để phá trừ Tư hoặc. Lại nữa, do xâm hại trừ bỏ vô tri cho nên gọi là “lợi ích của cây nhỏ”. Nếu tổng quát và riêng biệt nói đến từ bi thì theo thông lệ như trước nên có thể biết v.v...

Lần bảy: Lợi ích của người thuộc Biệt giáo nghĩa là trong tâm thứ

tự buộc duyên vào “pháp giới, và một niệm pháp giới đi vào địa vị Thập Trụ thì đạt được lợi ích của Tam-muội thuộc Chơn đế. Nếu nhập vào “Thập Hạnh” và “Thập hồi hương” thì đạt được lợi ích của Tam-muội thuộc Tục-đế. Nếu nhập vào Thập địa thì đạt được lợi ích của Trung đạo đế. Đây tức là “lợi ích của cây lớn”. Nói về từ bi tổng quát và riêng biệt thì theo thông lệ như trước v.v...

Lần tám: Lợi ích của người thuộc Viên giáo nghĩa là tu tập một lý thực của ba đế dùng “nhất niệm pháp giới” buộc “duyên pháp giới”. Nếu qua duyên đối với cảnh thì nhắc chân, hạ chân đều là “đạo tràng”. Mỗi niệm của tâm ấy cùng tương ứng với các Ba-la mật. Nếu tu bốn thứ Tam-muội và Quán chiếu mười loại cảnh thì có thể phát khởi thích nghi liên quan, khiến Thánh nhơn đi đến đối ứng cảm hóa, hoặc tự khai ngộ, hoặc tương tự hoặc chơn thật mà được đầy đủ hai thứ lợi ích ẩn và hiển. Đây là dùng đầy đủ hai mươi lăm thứ Tam muội để phá trừ hoàn toàn hai mươi lăm cõi nhằm hiển bày “tánh ngã” mà đạt được lợi ích rốt ráo thật sự.

Lần chín: Lợi ích của cõi biến dịch tức là lợi ích của người ở cõi phương tiện Hữu dư, trong tám lần trước gồm có bốn xứ hoặc chín xứ nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát của Thông giáo, ba mươi tâm của Biệt giáo, Tương tự giải của Viên giáo chỉ phá trừ Kiến hoặc và Tư hoặc mà chưa phá được vô minh thắm nhuần “vô lậu” mà thọ nhận “phương tiện sanh”. Do đó văn kinh nói “Ta ở trong nước khác làm Phật liền có danh hiệu khác. Nhưng ở trong nước kia, người muốn cầu trí tuệ của Phật, được nghe kinh này tức là ở tại cõi nước ấy mà nhập vào Nhất thừa”. Kinh Thắng Man nói “có ba hạng người sanh vào cõi nước biến dịch” tức là La-hán, Bích chi Phật và Bồ-tát”. Kinh Lăng Già nói “có ba loại ý sanh thân: 1. Pháp an lạc ý sanh thân, đây muốn bắt chước như người Nhị thừa nhập vào ý an vui của Niết-bàn; 2. Tam muội ý sanh thân tức làm theo, như người Thông giáo ra khỏi Giả quán để giáo hóa chúng sanh bằng cách dùng ý tam-muội thân thông; 3. Tự tánh ý sanh thân là giống như người Biệt giáo tu tập trung đạo với ý tự tánh”. Tất cả đều nói “ý” tức lấy an lạc làm ý “không”, Tam-muội tạo ra ý “giả quán” và tự tánh tạo ra ý “trung đạo”. Tương tự giải của Viên giáo và Biệt giáo còn chưa phát khởi chơn thật nên đều gọi là “tác ý”. Cho nên Luận nói: “lúc ấy, vượt qua “ý địa” mà trụ vào trong “trí nghiệp” nếu phát khởi chơn thật có thể gọi là trí nghiệp; nếu chưa phát khởi chơn thật thì vẫn còn ở “ý địa”. Hạng người này sanh “tích không” ở cõi kia tức là độn căn còn thể pháp tức là lợi căn. Người của Biệt giáo đã tu tập

Giả lại ít lạnh lợi, người của Viên giáo trước tiên tu tập “tức Trung đạo” rất lạnh lợi. Đã có độn căn, lợi căn sai khác nên đối với việc tu học kia tức có hai thứ lợi ích “thứ đệ” và “bất thứ đệ” (thứ tự và không có thứ tự). Lại nữa “thứ đệ, bất thứ đệ” này dùng hai sự cảm ứng của hai mươi lăm thứ Tam-muội. Đây là chín hạng người đều sanh vào “cõi phương tiện”. Ban đầu, ở trong cõi nước kia thấy được “tánh ngã” của các cõi mà đạt được lợi ích thật sự tối thượng. Nếu phân biệt mà nói thì “cõi nước phương tiện” nằm ở bên ngoài ba cõi. Nếu “tức sự mà chơn” thì không phải ở chốn xa xôi. Văn kinh nói “nếu người hay dùng tâm sâu xa để tin hiểu thì thấy Phật thường ở trong núi Kỳ-xà-quật thuyết pháp cho các đại Bồ-tát và chúng Thanh văn vây quanh nghe” tức là ý của “cõi nước phương tiện”.

Lần mười: Lợi ích của cõi nước Thật báo tức là lợi ích của người trong cõi nước Thật báo. Trong tám phần trước có nói đến hai hạng người sanh vào “cõi nước phương tiện”. Lại nữa, hai hạng người đều phá trừ vô minh, thấy được “Thật tướng” thì mới được sanh vào cõi kia. Nhưng vô minh nặng nề với số lượng rất nhiều, tuy “ba Hiền” và “mười Thánh” trụ ở cõi Thật báo mà do báo chưa diệt hết nên còn hoặc chướng sót lại, do đó liền dùng Tam muội Vương và bốn mươi một lần lợi ích để đi đến ở trong quả vị Diệu giác, vượt qua giới hạn vô cùng, không sanh không diệt. Không sanh không diệt thì vô minh vĩnh viễn bị đoạn sạch, trí lực phát khởi đầy đủ cho nên nói là “không sanh không diệt”. Lại nữa, vì căn cơ cảm ứng viên mãn với lợi ích rất ráo cho nên nói “không sanh không diệt”. Nếu phân biệt mà nói thì cõi “thật báo” này nằm ở bên ngoài “phương tiện”. Nếu “tức sự mà chơn” thì cõi này cũng không co xa xôi. Văn nói “Quán thấy cõi Sa bà này lưu ly làm đất, bằng phẳng ngay thẳng, quán các lâu đài, do báu làm nên, chỉ có các Bồ-tát bao hàm trong đó” tức là ý của cõi nước “Thật báo”. Hoặc căn cơ thô, diệu hoặc sự cảm ứng viên mãn, riêng biệt; hoặc cõi nước thanh tịnh, như uế; hoặc lợi ích sâu cạn thì cũng không vượt ra ngoài mười lăm vực này. Việc bao quát lợi ích của mười pháp giới lược nói đầy đủ với đại ý như thế có thể thấy rõ chứ không cần dài dòng dẫn ra văn kinh. Đây là chỗ của đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Gióng lên trống độc làm tổn giảm sanh nghe có gần có xa khiến chết có nhanh có chậm. Lại đánh trống Trời làm tăng trưởng đạo nên nghe có gần có xa nên lợi ích có sâu có cạn, cho đến có lợi ích của nghiệp sanh quyến thuộc, nguyện sanh quyến thuộc và ứng sanh quyến thuộc.

Hỏi: Địa vị ban đầu đã phá hai mươi lăm cõi mà đạt được lợi ích

rồi tức không có cội có thể phá nữa và không có lợi ích để luận bàn, vậy tại sao phải cần đến mười lần? Đáp: Ban đầu phá trừ khổ thuộc quả báo của hai mươi lăm cội mà đạt được quả báo lợi ích, kế đến phá nhân khổ của hai mươi lăm cội để đạt được nhân tu lợi ích, kế tiếp phá trừ khổ Kiến hoặc và Tư hoặc của hai mươi lăm cội mà đạt được lợi ích của Tam muội thuộc Chơn đế, kế tiếp phá trừ “không” của hai mươi lăm cội khiến thoát ra khỏi “giả” của hai mươi lăm cội mà đạt được lợi ích của Tam muội thuộc Tục đế, kế tiếp phá “có” và “không” của hai mươi lăm cội để hiển bày lợi ích của Tam muội vương thuộc Trung đạo; Kế tiếp phá trừ cội nước Phược tiện hữu dư” để ra khỏi “Giả” của hai mươi lăm cội mà đạt được lợi ích của hai loại Tam muội vương thuộc Tục đế; kế tiếp phá trừ cội nước “thật báo” chỉ hiển bày sâu sắc Tam muội vương. Vì ba đế chưa rõ ràng nên ý lợi ích không dứt, do đó mới có mười lần nói nghĩa của nó như vậy.

Hỏi: Ba đế chỉ tồn tại ở “Địa tột cùng hay cũng có thể thông suốt cả phàm phu?

Đáp: Như Đại Phẩm nói “Sắc thọ tưởng hành thức của chúng sanh”. lại nói: “Vô đẳng đẳng sắc thọ tưởng hành thức”. kinh Nhân Vương nói: “Pháp tánh sắc thọ tưởng hành thức” Đại Kinh nói: “nhân diệt sắc này nên đạt được sắc thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy”. Đây là từ phàm đến Thánh thấy đều là “Có” tức “Tục đế”. Tịnh Danh nói “cái “như” của chúng sanh, cái “như” của Di Lạc và cái như của Hiền Thánh đều là “mất như” chứ không có hai thứ riêng biệt”. Đại Phẩm nói “sắc không nên thọ, tưởng, hành, thức cũng không. Nếu có một pháp nào vượt qua Niết-bàn thì cũng như huyền như hóa”. Điều này chính nói lên phàm, Thánh đều “không” tức Chơn đế. Đại kinh nói “hai mươi lăm cội có “ngã” chăng?”

Đáp: Nói có ngã thì ngã ấy tức là Phật tánh và Phật tánh tức là trung đạo. Pháp do nhân duyên sanh dù chỉ một sắc, một hương không gì không phải trung đạo. Điều này chính nói từ phàm đến Thánh đều là trung đạo hay Đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Nếu xa luận bàn về lợi ích thì kinh lại nói có rất nhiều điều chẳng hạn nói “từ kiếp lâu xa trở lại thường khen ngợi và chỉ ra đạo Niết-bàn khiến khổ não của sanh tử vĩnh viễn chấm dứt. Ta thường nói như vậy”. Lại nói “Ta xưa kia ở chỗ hai vạn ức đức Phật để nghe dạy đạo vô thượng”. Lại nói “vì nhân duyên đời trước nên ta nay sẽ nói”. Vậy căn cứ vào văn nào?

Đáp: Lời văn thứ nhất trực tiếp nói rằng “từ kiếp lâu xa trở lại” thì



---

nói lâu xa chính là tin thật sự mệnh mang thăm thăm mà chưa hiển bày được “bản địa”. Hoặc căn cứ vào trung gian với đoạn thứ hai nói “xưa từng ở chỗ hai vạn ức đức Phật” mà chưa phán quyết rõ ràng về kiếp số lâu xa hay gần đây. Dem lời văn sau so với trước giống như hơi gần. Nay luận về lợi ích xa xôi thì nên căn cứ vào lời văn thứ ba. Nếu dùng “mực trải qua ba ngàn thế giới” thì phương đông trải qua một ngàn thế giới. Lại chấm một điểm,... Các Thế giới đi qua hoặc dính mực, không dính mực, đều nghiên làm vi trần, cứ một vi trần là một kiếp. Từ đó đến nay... Ta thường ở cõi Sa bà... lại vượt qua “số ấy” vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng kỳ kiếp. Nếu dùng văn nói rõ này so với văn nói “chỗ của hai vạn ức đức Phật” thì Xưa kia là ngày hôm qua và từ đó đến nay tức tổng kết việc đứng đầu trong đại thừa. Đức Phật kia trải qua tám ngàn kiếp để nói kinh, còn mười sáu vị vương tử ở trong tám vạn bốn ngàn kiếp để giảng lại kinh. Như vậy văn của kinh luận nói thời gian rất rộng lớn và sâu xa mà ở thời gian ấy thính chúng hoặc có thể đang ngồi nghe giảng pháp mà đã liễu ngộ, hoặc có thể ở trung gian mà được giáo hóa, hoặc có thể gần nay mà được giáo hóa đều đi đến “bảo sở” thọ nhận thân pháp tánh làm “ứng sanh quyền thuộc”. Như vậy trong ẩn ngoài hiện cùng thuần thực chúng sanh mà làm Phật sự. Tịnh Danh nói “Tuy thành đạo chuyển pháp luân nhưng hành đạo Bồ-tát” tức là ý này. Thuở xưa, thính chúng chưa đạt được lợi ích chơn thật nhưng nếu lợi ích tương tự ngăn cách bởi “sanh” thì không mất, còn lợi ích của danh tự, quán hạnh ngăn cách ở sanh tức diệt mất, hoặc có thể không mất. Khi mất, nếu nhờ thiện căn đời trước mà gặp thiện tri thức thì sanh khởi trở lại còn gặp bạn ác thì đánh mất “bản tâm” cho nên khoảng trung gian có nhiều thứ chữa trị, hoặc phần lớn dùng đại thừa để thành thực, hoặc phần lớn dùng tiểu thừa để thuần thực. Sanh “phương tiện” nghĩa là tuy nói nhiều loại đạo nhưng kỳ thật chỉ có một thừa, cũng lại đều khiến đạt đến “Bảo sở” thọ nhận “thân pháp tánh” mà ở trong “cõi kia” được lợi ích chơn thật của lần thứ chín và thứ mười. Như “số vi trần Bồ-tát” ở ngàn thế giới “tức những vị ấy đang lưu hành giáo hóa, cũng đã rớt rảo lợi ích ở Phần trước, nên gọi là lợi ích lâu xa”. Trong đó chúng sanh đến nay có người trụ ở địa vị của Thanh văn, tức là luận về lợi ích gần, việc này như sau sẽ nói v.v...

